

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Y
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2017/HSST

Ngày 29/11/2017.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Y**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Huy.

2. Bà Nguyễn Ngọc Lan.

- Thư ký phiên toà: Bà Tô Kim Hiên – Thư ký, Toà án nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 74/2017/HSST ngày 15/11/2017 theo Quyết định đưa vụ án xét xử số: 75/2017/QĐXXST-HS ngày 17/11/2017 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn Đ - Tên gọi khác : không;

Sinh ngày 14 tháng 10 năm 1990 tại Lào Cai.

Nơi cư trú: Thôn P, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nghề nghiệp: Không ; Trình độ văn hoá: 9/12.

Dân tộc : Kinh. Quốc tịch : Việt Nam.

Con ông: Nguyễn Văn L – sinh năm 1961.

Con bà: Trần Thị P – sinh năm 1965.

Vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1991

Trú tại: Tổ 8, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Tiền sự: Không.

Tiền án: 03.

- Ngày 08/02/2010 bị Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 12/2010/HSST).

- Ngày 08/4/2011 bị Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái xử phạt 05 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 35/2011/HSST).

- Ngày 13/5/2011 bị Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”(Bản án số 51/2011/HSST).

Bị cáo bị bắt ngày 23/8/2017 hiện đang bị tạm giam tại trại Tạm giam Công an tỉnh Yên Bái. Có mặt.

2. Hoàng Văn L1 - Tên gọi khác : không;

Sinh ngày 28 tháng 12 năm 1991 tại Thái Nguyên.

Nơi cư trú: Xóm N, xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Nghề nghiệp: Không ; Trình độ văn hoá: 9/12.

Dân tộc : Kinh. Quốc tịch : V Nam.

Con ông: Hoàng Văn B– sinh năm 1958.

Con bà: Trần Thị Đ3 - (Đã chết).

Vợ, con: Chưa có.

Tiền sự: Không.

Tiền án: 01.

- Ngày 06/12/2016 bị Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xử phạt 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”(Bản án số 1354/2016/HSST ngày 06/12/2016).

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

3. Trương Công T - Tên gọi khác : không;

Sinh ngày 20 tháng 9 năm 1986 tại Hà Nội.

Nơi cư trú: Thôn P, xã T, huyện S, Thành phố Hà Nội.

Nghề nghiệp: Không ; Trình độ văn hoá: 6/12.

Dân tộc : Kinh. Quốc tịch : V Nam.

Con ông: Trương Công Đ2 – sinh năm 1953.

Con bà: Dương Thị N – sinh năm 1954.

Vợ: Lê Thanh N2 (Đã ly hôn)

Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2014.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, Có mặt.

- Bị hại:

1. Bà Nguyễn Thị T1 - sinh năm 1954.

Địa chỉ: Tổ 56, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

2. Chị Nguyễn Thị Xuân T2 - sinh năm 1975.

Địa chỉ: Tổ 17, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt

3. Anh Nguyễn Anh Đ1 - sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Tổ 73, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

4. Chị Phạm Thị Thanh T3 - sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Tổ 16, phường M, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn Đ là đối tượng vừa chấp hành xong án phạt tù về tội trộm cắp tài sản vào tháng 11 năm 2016, ra trại Đ lang thang trên địa bàn thành phố Y sống nhờ vào việc trộm cắp tài sản. Trong thời gian từ tháng 5/2017 đến tháng 8 năm 2017, Đ đã thực hiện liên tiếp 04 lần hành vi trộm cắp tài sản:

Lần thứ nhất: Khoảng 17 giờ ngày 20/5/2017 Đ đi bộ và mang theo 01 chiếc vạm phá khóa, khi đến trước cửa nhà chị Nguyễn Thị Xuân T2, Đ thấy 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wawealpha BKS 21V8-5179 trị giá: 2.621.000đồng (*Hai triệu, sáu trăm, hai mươi một nghìn đồng*) của chị T2 dựng ở vỉa hè, Đ dùng vạm phá ổ khóa điện rồi điều khiển xe đi tìm nơi tiêu thụ, trên đường đi Đ gọi điện thoại cho Trương Công T với nội dung Đ muốn bán 01 chiếc xe Wawealpha, không có giấy tờ, T không đồng ý mua. Lúc này đi cùng với T có Hoàng Văn L1, L1 nghe được nội dung cuộc điện thoại nên nhờ T hẹn Đ đem xe đến xem, rồi định giá trị xe hộ L1. Tại cửa hàng sửa chữa xe của T còn có bạn của Đ là Đào Văn V là chủ nhà nơi T thuê làm cửa hàng (Thuộc thôn Bình An, xã Trung Giã, huyện Sóc Sơn, Hà Nội), T xem xe và trả giá chiếc xe là 3.500.000đồng (*Ba triệu, năm trăm nghìn đồng*) thì Đ nhất trí, L1 đưa tiền cho T trả cho Đ. Đ và V cùng nhau rời khỏi quán, còn T và L1 tháo rời các bộ phận của xe mô tô, rồi cho vào xe ô tô BKS 20A -14199 để L1 mang về nhà. T trả công cho L1 với số tiền là 500.000đồng (*Năm trăm nghìn đồng*). Khoảng 8 giờ ngày 21/5/2017, L1 truy cập vào mạng Facebook tìm người có nhu cầu mua phụ tùng xe mô tô và gọi vào số điện thoại của một người tên là Linh (Không biết họ tên địa chỉ cụ thể) hẹn Linh gặp L1 tại khu vực thị trấn Đông Anh, thành phố Hà Nội để trao đổi mua bán, L1 điều khiển xe ô tô BKS 20A – 14199 đến bán cho Linh toàn bộ số phụ tùng xe mô tô đã tháo rời được 5.600.000đồng (*Năm triệu, sáu trăm nghìn đồng*).

Lần thứ hai: Khoảng 10 giờ ngày 25/5/2017 Đ đi bộ đến khu vực tổ 21, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái phát hiện tại lán để xe của phường Y có nhiều xe mô tô nhưng không có người trông coi, Đ dùng vạm phá ổ khóa điện trộm cắp 01 chiếc xe mô tô BKS 21B1- 249.55 của anh Nguyễn Anh Đ1 trị giá: 12.025.000đồng (*Mười hai triệu, không trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) sau đó Đ điện thoại cho L1, L1 nhất trí mua xe và hẹn gặp Đ đến đầu cầu bến Oánh (thuộc huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên). L1 đi nhờ xe mô tô của một người bạn tên là Nguyễn (không biết tên tuổi địa chỉ cụ thể) đến gặp Đ thỏa thuận mua chiếc mô tô do Đ trộm cắp với giá 4.000.000đồng (*Bốn triệu đồng*), sau khi mua được xe mô tô L1 mang xe mô tô về nhà một mình tháo rời các bộ phận của xe cho vào một thùng

các tông và một bao tải, đến khoảng 9 giờ ngày 27/5/2017 L1 thuê xe taxi “dù” mang đến thị trấn Đông Anh, thành phố Hà Nội bán cho Linh với giá 5.600.000đồng (*Năm triệu, sáu trăm nghìn đồng*).

Lần thứ ba: Khoảng 15 giờ ngày 05/6/2017 cũng tại UBND phường Y, thành phố Y, Đ dùng vạm phá ổ khóa điện trộm cắp chiếc xe mô tô BKS 21B1- 22 118 trị giá: 10.946.000đồng (*Mười triệu, chín trăm, bốn mươi sáu nghìn đồng*) của bà Nguyễn Thị T1, sau đó Đ điện thoại cho L1 nhưng không liên lạc được, Đ đã điều khiển xe lên thành phố Thái Nguyên tìm đến nhà L1. Tại đây, Đ bán chiếc xe cho L1 được 2.000.000đồng (*Hai triệu đồng*), sau đó L1 sử dụng xe mô tô BKS 21 B1 – 751.95 chở Đ ra bến xe khách về Yên Bái.

Ngày 06/6/2017 L1 tháo rời các bộ phận của xe mô tô rồi tiếp tục mang khung và máy xe bán cho Linh được 4.300.000đồng (*Bốn triệu, ba trăm nghìn đồng*) còn các bộ phận khác của xe Linh giới thiệu cho L1 mang bán cho 01 người bạn của Linh được 1.400.000đồng (*Một triệu, bốn trăm nghìn đồng*) tại khu vực thị trấn Đông Anh, thành phố Hà Nội,

Lần thứ tư: Khoảng 20 giờ ngày 19 tháng 8 năm 2017 Đ đi bộ đến khu vực tổ 16, phường M, thành phố Y dùng 01 chiếc chìa khóa xe mô tô mở khóa điện và trộm cắp được 01 chiếc xe mô tô BKS 21V9- 6479 trị giá: 3.854.000đồng (*Ba triệu, tám trăm năm mươi tư nghìn đồng*) của chị Phạm Thị Thanh T3. Đ mang xe về nhà tháo rời lắp quay ngược biển kiểm soát vào trong rồi điều khiển xe đi tìm nơi tiêu thụ nhưng không được, Đ đến nhà chị Phạm Thị Diệp L (Trú tại tổ 77, phường N, thành phố Y) vay 500.000đồng (*Năm trăm nghìn đồng*) và gửi chị L chiếc xe mô tô, đến 18 giờ ngày 22/8/2017 Đ quay lại lấy xe và trả lại cho chị L số tiền 700.000đồng (*Bảy trăm nghìn đồng*), trong đó có 500.000đồng (*Năm trăm nghìn đồng*) tiền vay vào ngày 19/8/2017; 100.000đồng (*Một trăm nghìn đồng*) Đ vay của chồng chị L là anh Nguyễn Gia H còn 100.000đồng (*Một trăm nghìn đồng*) Đ cho chị L. Sau đó Đ điều khiển xe đến khu vực tổ 31, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái tháo vớt biển kiểm soát của xe xuống sông Hồng và tiếp tục điều khiển xe đi tiêu thụ thì bị tổ công tác Công an thành phố phát hiện, kiểm tra Đ khai nhận chiếc xe mô tô nêu trên là do Đ trộm cắp, Cơ quan Công an đã tiến hành tạm giữ chiếc xe.

Ngày 23/8/2017 tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở, đồ vật đối với Nguyễn Văn Đ tạm giữ: 01 chiếc kéo dài khoảng 22 cm, phần lưỡi bằng kim loại màu trắng, tay cầm nhựa màu đen; 01 tô vít dài khoảng 15cm bằng sắt, tay cầm bằng nhựa cứng; 01 chiếc cờ lê dài khoảng 7 cm một đầu 10mm, 01 đầu 8mm.

Ngày 24/8/2017 tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở, đồ vật đối với Hoàng Văn L1 tạm giữ: 01 cờ lê bằng kim loại màu trắng, 01 bình ác quy vỏ nhựa đã qua sử dụng, 01 pha đèn xe mô tô, 02 tuốc nơ vít, 03 cờ lê bằng kim loại, 01 kìm, 22 bình xăng xe mô tô các loại, 02 tay phanh bằng kim loại, 01 mảnh kim loại (ốp giữ ống xả); 01 ốp cổ ống xả bằng kim loại.

Ngày 25/8/2017 chị Bùi Minh Ng là chủ nhà nơi Trương Công T thuê làm cửa hàng đã giao nộp đồ vật của T gồm: 01 súng bắn ốc bằng kim loại, 01 tuốc nơ vít

bằng kim loại, 04 chiếc tê bằng kim loại các cỡ, 05 chiếc chụp bằng kim loại, 01 trống bằng kim loại, 02 cờ lê bằng kim loại.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn Đ thành khẩn khai báo thừa nhận đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wawealpha BKS 21V8-5179 của chị Nguyễn Thị Xuân T2 vào ngày 20/5/2017, của anh Nguyễn Anh Đ1 01 chiếc xe mô tô BKS 21B1- 24955 vào ngày 25/5/2017, của bà Nguyễn Thị T1 01 mô tô BKS 21B1- 22 118 vào ngày 05/6/2017 và của chị Phạm Thị Thanh T3 01 chiếc xe mô tô BKS 21V9- 6479 vào ngày 19/8/2017 như đã nêu ở trên nhằm mục đích bán lấy tiền phục vụ cho nhu cầu của bản thân.

Các bị cáo Hoàng Văn L1, Trương Công T thành khẩn, khai báo thừa nhận bản thân nhận thức rõ được nguồn gốc số xe mô tô do Nguyễn Văn Đ bán là xe có nguồn gốc bất hợp pháp nhưng L1 vẫn mua và cùng T thực hiện hành vi tiêu thụ tài sản nhằm mục đích bán kiếm lời. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của Nguyễn Văn Đ.

Toàn bộ số tiền bán xe mô tô Nguyễn Văn Đ, Hoàng Văn L1 và tiền được trả công Trương Công T đều đã sử dụng cá nhân hết, các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

Người bị hại bà Nguyễn Thị T1, chị Nguyễn Thị Xuân T2, anh Nguyễn Anh Đ1, chị Phạm Thị Thanh T3 đều khai về thời gian, địa điểm, đặc điểm những tài sản bị trộm cắp phù hợp với lời khai của các bị cáo và những tài liệu chứng cứ khác.

Trước khi mở phiên tòa bị cáo L1 đã tự nguyện bồi thường cho người bị hại là bà T1 6.000.000đồng (*Sáu triệu đồng*), anh Đ1 5.000.000đồng (*Năm triệu đồng*), chị T2 5.000.000đồng (*Năm triệu đồng*), bị cáo T tự nguyện bồi thường cho chị T2 500.000đồng (*Năm trăm nghìn đồng*). Bà T1, anh Đ1, chị T2 xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo L1, chị T2 xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

Người bị hại bà T1 yêu cầu bị cáo Đ phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho bà T1 5.000.000đồng (*Năm triệu đồng*), anh Đ1 là 5.000.000đồng. (*Năm triệu đồng*), chị T2, chị T3 không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường T.

Cáo trạng số 71/KSĐT-TA ngày 13/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái .

Truy tố:

Bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Hoàng Văn L1, Trương Công T về tội: “ Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đ diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “ Trộm cắp tài sản.” bị cáo Hoàng Văn L1, Trương Công T phạm tội: “ Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Về hình phạt:

- Áp dụng điểm b,c khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo:

Nguyễn Văn Đ từ **03** (ba) năm đến **04** (bốn) năm tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 250 điểm b;p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo:

Hoàng Văn L1 từ **06** (sáu) tháng đến **09** (chín) tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm b,p,g,h khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 30 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo:

Trương Công T: Từ 5.000.000đồng (Năm triệu đồng) đến 10.000.000đồng (Mười triệu đồng) sung công quỹ Nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự và vật chứng vụ án: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo Đ, bị cáo L1, bị cáo T đều nhận tội và xin được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Yên Bái, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa những người tham gia tố tụng không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều là hợp pháp.

[2]. Đã có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ ngày 20/5/2017 đến ngày 19/8/2017, L1 dụng sự sơ hở của chủ tài sản Nguyễn Văn Đ đã 04 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản gồm: 01 chiếc xe mô tô BKS 21 V8 - 5179 tại tổ 17, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái trị giá 2.621.000đồng (*Hai triệu, sáu trăm hai mươi một nghìn đồng*) của chị Nguyễn Thị Xuân T2; Trộm cắp 01 chiếc xe mô tô BKS 21B1 - 249.55 trị giá 12.025.000đồng (*Mười hai triệu, không trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) tại tổ 21, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái của anh Nguyễn Anh Đ1; Trộm cắp 01 chiếc xe mô tô BKS 21B1-221.18 trị giá 10.946.000đồng (*Mười triệu, chín trăm, bốn mươi sáu nghìn đồng*) của bà Nguyễn Thị T1; Trộm cắp 01 chiếc xe mô tô BKS 21 V9 – 6479 trị giá 3.854.000đồng (*Ba triệu, tám trăm, năm mươi tư nghìn đồng*) của chị Phạm Thị Thanh T3 tại tổ 16, phường M, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Tổng giá trị tài sản Đ chiếm đoạt là: 29.446.000đồng (*Hai mươi chín triệu, bốn trăm,*

bốn mươi sáu nghìn đồng). Hành vi của Nguyễn Văn Đ đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Điều 138 Bộ luật Hình sự.

Đối với Hoàng Văn L1 mặc dù biết tài sản trên do phạm tội mà có nhưng đã 03 lần mua 03 chiếc xe mô tô với giá 9.500.000đồng (*Chín triệu, trăm nghìn đồng*) bán lại với giá 16.900.000đồng (*Mười sáu triệu, chín trăm nghìn đồng*) thu lợi 7.400.000đồng (*Bảy triệu, bốn trăm nghìn đồng*). Bị cáo Trương Công T giúp sức cho bị cáo lợi thực hiện việc tiêu thụ 01 chiếc xe mô tô được hưởng lợi 500.000đồng (*Năm trăm nghìn đồng*). Hành vi của bị cáo Hoàng Văn L1 và bị cáo Trương Công T đã phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự.

[3]. Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác và trật tự công cộng. Gây mất trật tự, trị an và an toàn xã hội. Vì vậy, cần phải đưa các bị cáo ra xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

[4] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo Đ độc lập thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo L1 và bị cáo T đồng phạm Trong đó, bị cáo L1 là người thực hành giữ vai trò chính, bị cáo T là người giúp sức nên có vai trò thứ yếu.

[5]. Xét nhân thân bị cáo Nguyễn Văn Đ, Hoàng Văn L1, Trương Công T đều là người có sức khỏe, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ là đối tượng có 03 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” đã bị kết án về tội trộm cắp tài sản có tính chất chuyên nghiệp vừa ra trại cải tạo nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cải tạo bản thân, để có tiền thỏa mãn cho nhu cầu của bản thân, trong thời gian ngắn bị cáo đã nhiều lần, liên tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác. Hành vi phạm tội lần này của bị cáo thuộc trường hợp phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, tái phạm nguy hiểm được quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự với tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần quy định tại điểm g, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Do đó cần có mức hình phạt thỏa đáng, tương xứng với vai trò tính chất nguy hiểm của hành vi mà bị cáo đã thực hiện, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, thì mới có thể giáo dục, cải tạo được bị cáo và phòng chống tội phạm nói chung.

Đối với bị cáo Hoàng Văn L1 có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” bị cáo không lấy đó làm bài học cảnh tỉnh, giáo dục bản thân, tiếp tục nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội. Các hành vi phạm tội lần này của bị cáo, thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần, tái phạm quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự. Đây thể hiện sự coi thường pháp luật, ý thức rèn luyện bản thân của bị cáo là rất kém. Cần có hình phạt thỏa đáng tương xứng với mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, thì mới có thể giáo dục, cải tạo, bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội và phòng chống tội phạm nói chung.

Đối với bị cáo Trương Công T cũng nhận thức được tài sản do Đ phạm tội mà có nhưng vì hám lời nên đã giúp sức cho L1 thực hiện hành vi tiêu thụ tài sản cùng

L1. Xét thấy, cần áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo cũng có thể cải tạo bị cáo thành người công dân tốt.

Khi lượng hình, Hội đồng xét xử có xem xét tình tiết các bị cáo thành khẩn khai báo. Bị cáo Nguyễn Văn L1 đã tích cực bồi thường khắc phục hậu quả người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo L1 và bị cáo T. Bị cáo Trương Công T phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội gây thiệt hại không lớn, đã bồi thường khắc phục hậu quả, bố bị cáo là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến, để giảm nhẹ cho mỗi bị cáo một phần hình phạt.

[6]. Hình phạt bổ sung : Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo không có tài sản riêng, không có việc làm, thu nhập ổn định, nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7]. Ngoài hành vi trộm cắp 04 chiếc xe mô tô nêu trên Đ còn khai nhận trong khoảng thời gian cuối tháng 01/2017 đến cuối tháng 02/2017 Đ còn trộm cắp 02 chiếc xe mô tô tại địa bàn huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái và thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai rồi mang đi tiêu thụ tại địa bàn tỉnh Phú T2. Đối với các hành vi này Cơ quan điều tra Công an thành phố Yên Bái đã có công văn trao đổi với Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Lào Cai và Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Bình để điều tra theo thẩm quyền.

[8].Đối với Nguyễn Gia H, Phạm Diệp L, Hoàng Văn L và Vũ Thị H là những người cho Đ đề nhờ xe mô tô và cho L1 mượn xe ô tô, xe mô tô, nhưng anh H, chị L không biết về nguồn gốc chiếc xe Đ gửi, anh L, chị H không biết L1 sử dụng xe với mục đích bất hợp pháp nên không đề cập xử lý là phù hợp,

[9].Đối với người đàn ông tên là L2 cùng một người bạn của L2 đã mua phụ tùng xe mô tô của L1, do không xác được họ tên đầy đủ và địa chỉ cụ thể nên cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra xác minh làm rõ.

[10].Đối với Đào Văn V, quá trình điều tra xác minh V không có mặt tại địa phương nên không có căn cứ để điều tra xử lý.

[11].Đối với xe taxi “dù” do L1 thuê, máy điện thoại, máy ipad, mạng Facebook L1 sử dụng để liên hệ tiêu thụ tài sản, quá trình điều tra không có căn cứ điều tra thu giữ, xử lý.

[12]. Về trách nhiệm dân sự và vật chứng :

Đối với những bị hại là bà Nguyễn Thị T1, chị Nguyễn Thị Xuân T2, anh Nguyễn Anh Đ1, là chủ sở hữu hợp pháp của 03 chiếc xe máy do các bị cáo đã chiếm đoạt. Quá trình điều tra không thu giữ được tài sản để trả cho bà T1, anh Đ1, chị T2.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA – WAVEALPHA, BKS 21B1-221.18 giá trị là: 10.946.000đồng (*Mười triệu chín trăm bốn mươi sáu nghìn đồng*) . Bị cáo L1 đã bồi thường cho bà T1 6.000.000đồng (*Sáu triệu đồng*), bà T1 yêu cầu bị cáo Đ phải bồi thường 5.000.000đồng (*Năm triệu đồng*). Hội đồng xét xử xét thấy tại phiên tòa bị cáo Đ nhất trí bồi thường theo yêu cầu của bà T1. Do vậy

cần buộc bị cáo Đ bồi thường trị giá còn lại của chiếc xe cho bà T1 là 5.000.000đồng (Năm triệu đồng).

Đối với xe mô tô nhãn hiệu HONDA – WAVEALPHA, BKS 21B1 – 249.55 giá trị là: 12.025.000đồng (Mười hai triệu, không trăm, hai mươi lăm nghìn đồng). Bị cáo L1 đã bồi thường cho anh Đ1 5.000.000đồng (Năm triệu đồng), anh Đ1 chỉ yêu cầu bị cáo Đ phải bồi thường 5.000.000đồng (Năm triệu đồng). Cần buộc bị cáo Đ bồi thường trị giá còn lại của chiếc xe cho anh Đ1 là 5.000.000đồng (Năm triệu đồng).

Đối với chiếc xe mô tô WAVEALPHA, BKS 21V8 – 5179 trị giá 2.621.000đồng (Hai triệu, sáu trăm, hai mươi một nghìn đồng). Bị cáo L1 đã bồi thường cho chị T2 5.000.000đồng (Năm triệu đồng), bị cáo T đã bồi thường cho chị T2 500.000đồng (Năm trăm nghìn đồng) chị T2 không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường T gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với chiếc xe mô tô BKS 21V9- 6479 của chị Phạm Thị Thanh T3, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị T3, chị T3 không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với số vật chứng gồm: 01 bình ác quy, 01 đèn pha xe mô tô, 22 bình xăng xe mô tô, 02 tay phanh, 01 mảnh kim loại ốp giữ ống xả, 01 ốp cổ ống xả tạm giữ của Hoàng Văn L1 không liên quan đến vụ án, ngày 10/10/2017 Cơ quan điều tra đã trả cho L1.

Đối với các vật chứng: 01 súng bắn ốc bằng kim loại nhãn hiệu TOP vỏ màu trắng; 01 tuốc nơ vít bằng kim loại dài khoảng 20cm, một đầu vát nhọn 4 cạnh, một đầu vát bẹt hai cạnh đuôi rời bằng nhựa màu đỏ - trắng; 04 chiếc tê bằng kim loại lần lượt có cỡ: 8,10.12.14; 01 tròng bằng kim loại 17 -17; 01 cờ lê bằng kim loại một đầu hình chữ U, một đầu hình tròn cỡ 17 -17; 01 chiếc kéo dài khoảng 22 cm, phần lưỡi bằng kim loại màu trắng, tay cầm bằng cán nhựa màu đen; 01 tô vít dài khoảng 15 cm, tay cầm bằng nhựa cứng có màu trắng và vàng; 01 cờ lê dài khoảng 7cm. Một đầu 10mm, một đầu 8mm; 01cờ lê bằng kim loại màu trắng, một đầu hình tròn, một đầu hình chữ U cỡ 21; 01 tuốc nơ vít bằng kim loại chuôi cao su màu đỏ, đen, trắng có một đầu bẹt và một đầu có 04 cạnh, thanh tuốc nơ vít dài khoảng 17 cm, chuôi dài khoảng 12 cm; 01 tuốc nơ vít chuôi bằng gỗ dài khoảng 20 cm; 01 cờ lê bằng kim loại cỡ 17 – 19; 01 cờ lê cỡ 21 – 24; 01 cờ lê đầu tròn một đầu hình chữ U cỡ 17 – 17; 01 kìm tay nắm màu đỏ. Là công cụ, các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội cần phát mại tịch thu sung công quỹ nhà nước.

- 01 chiếc chìa khóa xe mô tô có cán nhựa màu đen. Xét không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[13]. Về án phí và các vấn đề khác:

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Bị cáo Hoàng Văn L1, Trương Công T phạm tội “Tiêu thu tài sản do người khác phạm tội mà có”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm b, điểm c khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo:

Nguyễn Văn Đ: 04 (Bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/8/2017.

- Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo:

Hoàng Văn L1: 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm b, p, g, h khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 30 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo:

Trương Công T: 5.000.000đồng (Năm triệu đồng sung công quỹ Nhà nước)

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự, Điều 357, Điều 468; Điều 584, 585; 586; 589 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ phải bồi thường cho:

- Bà Nguyễn Thị T1 số tiền 5.000.000đồng (Năm triệu đồng); cho anh Nguyễn Anh Đ1 số tiền là 5.000.000đồng (Năm triệu đồng);.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà T1, anh Đ1 có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo Đ chưa thi hành xong thì còn phải chịu lãi chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự đối với với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả.

4. Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự .

*** Tịch thu tiêu hủy:** 01 chiếc chìa khóa xe mô tô có cán nhựa màu đen.

*** Tịch thu phát mại sung công quỹ nhà nước:**

- 01 súng bắn ốc bằng kim loại nhãn hiệu TOP vỏ màu trắng.

- 01 tuốc nơ vít bằng kim loại dài khoảng 20cm, một đầu vát nhọn 4 cạnh, một đầu vát bẹt hai cạnh chuôi rời bằng nhựa màu đỏ - trắng.

- 04 chiếc tê bằng kim loại lần lượt có cỡ: 8,10,12,14.

- 05 chiếc đầu chụp bằng kim loại lần lượt có cỡ: 8,10,12,13,14.

- 01 tròng bằng kim loại 17 -19.

- 01 cò lê 15-15

- 01 cò lê bằng kim loại một đầu hình chữ U, một đầu hình tròn cỡ 17 -17.

- 01 chiếc kéo dài khoảng 22 cm, phần lưỡi bằng kim loại màu trắng, tay cầm bằng nhựa màu đen.
- 01 tô vít dài khoảng 15 cm, tay cầm bằng nhựa cứng có màu trắng và vàng.
- 01 cờ lê dài khoảng 7cm. Một đầu 10mm, một đầu 8mm.
- 01 cờ lê bằng kim loại màu trắng, một đầu hình tròn, một đầu hình chữ U cỡ 21.
- 01 tuốc nơ vít bằng kim loại chuôi cao su màu đỏ, đen, trắng có một đầu bẹt và một đầu có 04 cạnh, thanh tuốc nơ vít dài khoảng 17 cm, chuôi dài khoảng 12 cm.
- 01 tuốc nơ vít chuôi bằng gỗ dài khoảng 20 cm.
- 01 cờ lê bằng kim loại cỡ 17 – 19.
- 01 cờ lê cỡ 21 – 24.
- 01 cờ lê đầu tròn một đầu hình chữ U cỡ 17 – 17.
- 01 kim tay nắm màu đỏ.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Hoàng Văn L1, Trương Công T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Văn Đ phải chịu 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo, người bị hại (có mặt tại phiên tòa) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại (vắng mặt tại phiên tòa) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Y;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái.
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Y/
- Trại giam; Công an thành phố Y;
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái
- Bị cáo, người bị hại,;
- Lưu hồ sơ vụ án, TA, THA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Tuyền

